

PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN

ĐÀO THẾ TUẤN*

Hiện nay, ở nông thôn nước ta, gia đình nông dân là đơn vị sản xuất cơ sở. Việc phát triển kinh tế gia đình nông dân đặt ra những vấn đề lý luận và thực tiễn mới cần phải nghiên cứu mới giải quyết được.

Quá trình phát triển của nền kinh tế nông dân từ sản xuất tự túc lên sản xuất hàng hóa đã là một đề tài nghiên cứu của nhiều nhà khoa học từ cuối thế kỷ trước. Quá trình phát triển này đã xảy ra ở nhiều nước tiên tiến trong mấy trăm năm qua.

Ở nước ta, muốn phát triển một nền kinh tế hàng hóa phải làm thế nào tạo điều kiện giúp các gia đình nông dân thoát khỏi tình trạng tự túc và phát triển một nền kinh tế hàng hóa. Muốn vậy, phải nghiên cứu tình hình của các xí nghiệp gia đình nông dân, xác định các trở ngại của sự phát triển và tìm các biện pháp kỹ thuật cũng như kinh tế - xã hội để tháo gỡ các trở ngại ấy, tạo các điều kiện hỗ trợ sự phát triển ấy.

TÌNH HÌNH CÁC XÍ NGHIỆP GIA ĐÌNH NÔNG DÂN

Năm 1989 và 1990, chúng tôi đã bắt đầu điều tra hộ nông dân ở một số xã thuộc miền Bắc để tìm hiểu sơ bộ tình hình của các hộ nông dân và xác định phương pháp nghiên cứu hộ nông dân.

Đợt điều tra đầu tiên tiến hành ở 7 xã của đồng bằng Bắc Bộ do các sinh viên thực tập của Trường Đại học Nông nghiệp I và cán bộ Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam tiến hành, số hộ điều tra ở mỗi xã là 90 hộ. Từ các số liệu điều tra này, chúng tôi đã tìm hiểu tình hình sản xuất và sinh hoạt của hộ nông dân.

Kết quả điều tra cho thấy các xã điều tra có mức thu nhập bình quân của các hộ khác nhau thay đổi từ 318.000đ đến 521.300đ/người/năm. Giữa các xã khác nhau và các hộ trong một xã đã có một sự phân hóa. Tuy vậy, sự phân hóa này chưa cao lắm so với một số nước châu á. Để đánh giá sự phân hóa này, chúng tôi đã tính hệ số công bằng Gini, hệ số này thay đổi từ 0 đến 1 càng nhỏ thì sự công bằng càng cao.

Bảng 1: HỆ SỐ CÔNG BẰNG Ở CÁC XÃ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Xã, huyện	Thu nhập (1000đ/người/năm)	Hệ số Gini	
		Theo hộ	Theo khẩu
Mễ Sở, Châu Giang	521,3	0,15	0,12
Phú Phong, Phú Xuyên	458,8	0,13	0,12
Trung Thành, Hiệp Hòa	429,3	0,11	0,12
Quất Động, Thường Tín	345,5	0,18	0,17
Đại từ, Thanh Trì	338,9	0,14	0,12
Hưng Thái, Ninh Thanh	331,2	0,10	0,10
Thái Tân, Nam Thanh	318,1	0,12	0,12

*. Giáo sư, Viện sĩ Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam.

Sau đây là hệ số Giới của nông thôn một số nước châu Á để so sánh:

Đài Loan	(1975)	0,26
Trung Quốc	(1982)	0,23
Nam Triều Tiên	(1981)	0,39
Pakixtan	(1979)	0,41
Thái Lan	(1981)	0,44
Ấn Độ	(1983)	0,29
Indônêxia	(1981)	0,42
Băngladcl	(1976)	0,40
Philippin	(1975)	0,38
MaJaixia	(1979)	0,49
Xã Lanca	(1978)	0,49
Việt Nam	(1989)	0,11

Như vậy là, sự phân hóa của nông thôn nước ta còn thấp rất nhiều so với các nước châu Á, ngay cả so với Trung Quốc.

Một vấn đề mà nhiều người quan tâm là: hiện nay nông dân ta ở mức phát triển như thế nào so với nông dân các nước. Để xác định mức nghèo ở các nước, người ta tính một mức thu nhập tối thiểu mà một nông dân phải có để đủ sống một cách thấp nhất. Đối với các nước Đông Nam Á, mức này là 2.100 - 2.150 kilocalo/ngày và 45-50 gam prôtêin/ngày, chi phí thức ăn chiếm 70% của thu nhập. Nếu tính theo mức này và quy ra theo giá đơn *so sánh sức mua*, là một chỉ tiêu dùng để so sánh thu nhập của các nước trên thế giới (đơn PPP, Purchasing power parity) thì năm 1970 là 200 đoạt PPP và 1980 là 335 đoạt PPP. Gần đây, Ngân hàng Thế giới xác định hai mức nghèo cho năm 1985 là *rất nghèo*: 275 đoạt PPP và *nghèo*: 370 đoạt PPP. Nếu tính theo mức *rất nghèo* thì năm 1985 có 18% và theo mức *nghèo* thì có 33% của số dân ở các nước đang phát triển. Tỷ lệ dân dưới các mức này ở một số nước như sau:

	Rất nghèo (dưới 275 đơn PPP)		Nghèo (dưới 370 đôla PPP)	
	Số người (triệu)	%	Số người (triệu)	%
Đông Á	120	8	280	20
Trung Quốc	80	29	210	20
Nam Á	300	33	520	51
Ấn Độ	250		420	55

Chúng tôi đã sử dụng phương pháp này để tính thử cho nông dân Việt Nam.

Theo số liệu 1989 thì thu nhập của nông dân như sau:

(đ/người/tháng)	Tổng thu	Thu nhập	Chỉ đời sống
Cả nước (TCTK)	37.530	21.428	20.317
Đồng bằng sông Hồng (VKHNN)	33.096	17.504	17.864

chúng tôi đã xác định nhu cầu ăn của nông dân theo mức 2.100 kilôcalo/ngày. Nếu lấy mức bình quân do Tổng cục Thống kê xác định cho năm 1989 thì mức ăn bình quân của nông dân là 1.640 kilôcalo/ngày (do không tính hết một số thức ăn khác như đậu, lạc, quả, nước chấm).

Nếu tính đầy đủ thì đạt khoảng 1.800 kilôcalo/ngày. Mức ăn này tương ứng với 14.151 đồng/người/tháng. Theo chúng tôi tính, nếu ăn đủ 2.100 kilôcalo/người/ngày, mỗi tháng chi khoảng 15.500 đồng. Nếu chi cho ăn uống chiếm khoảng 70% của chi cho đời sống (nước ta cũng ở mức này) thì nhu cầu phải chi là 22.000 đồng/người/tháng (264.000 đồng/người/năm).

Nếu mức 264.000 đồng tương ứng với 275 đám PPP thì hồi suất PPP là 960 đ/đôla PPP.

Nếu so với hồi suất chính thức năm 1989 là 4.163 đ/đôla thì hệ số Kravis (hồi suất chính thức: hồi suất PPP) là 4,3 (Viện quản lý kinh tế tính hệ số nay là 6,6 - 7,9 tùy phương án). Nếu theo mức này thì cả nước có 60% nông dân dưới mức rất nghèo.

Thực tế trong điều tra thu nhập có một phần do nông dân tự túc trong vườn hay kiếm trên ruộng, trong rừng không tính được thành tiền. Nếu giả định mức này là 20% thì chi đời sống sẽ là 17.600 đồng/tháng hay 211.200 đồng/năm. Hồi suất PPP sẽ là 768 đ/đôla và hệ số Kravis sẽ tăng lên 5,4. Tỷ lệ nông dân dưới mức này là 39%.

Một phương pháp khác để xác định mức nghèo là định mức cân bằng thu chi của người nông dân. Qua điều tra thấy các hộ nghèo chi cao hơn thu và hộ giàu thì thu cao hơn chi. Do vậy có một mức mà người nông dân phải đạt cân bằng thu chi. Theo số liệu điều tra ở đồng bằng sông Hồng, thì có 34% số hộ chi cao hơn thu và ở mức này chi đời sống của một người là 191.330 đồng/người/năm hay 15.944 đồng/người/tháng. Nếu lấy mức này làm mức nghèo thì hồi suất PPP sẽ là 696 đ/đôla và hệ số Kravis sẽ là 6. Tỷ lệ nông dân cả nước dưới mức này là 31%.

Vấn đề được quan tâm hiện nay là những điều kiện gì quyết định sự phát triển của gia đình nông dân, phân hóa thành giàu và nghèo. Sử dụng số liệu điều tra 624 hộ của 7 xã của đồng bằng sông Hồng, chúng tôi đã sử dụng phương pháp phân tích thành phần chính để xem các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ theo tầm quan trọng của chúng như thế nào (Bảng 2).

Bảng 2: CÁC NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ PHÁT TRIỂN CỦA GIA ĐÌNH NÔNG DÂN (NHÂN TỐ QUYẾT ĐỊNH NHẤT LÀ BA THÀNH PHẦN CHÍNH ĐẦU)

Xã .	Thành phần chính		
	I	II	III
- Mê Sờ, Châu Giang	vốn, diện tích gieo trồng	Chăn nuôi	Hiệu quả, dân số
- Phú Phong, Phú Xuyên	Vốn	Diện tích, hiệu quả	Lao động dân số
- Trung Thành, Hiệp Hòa	Vốn	Lao động, hiệu quả	Hiệu quả, diện tích canh tác
- Quất Động Thường Tín	Vốn, diện tích gieo trồng	Hiệu quả	Dân số, lao động
- Đại Từ, Thanh Trì	Vốn	Hiệu quả	Lao động
- Hưng Thái, Ninh Thanh	Vốn	Hiệu quả	Lao động
- Thái Tân, Nam Thanh	Vốn	Diện tích, hiệu quả	Dân số, lao động
- Tất cả 7 xã	Hiệu quả	Diện tích gieo trồng, chăn nuôi	Vốn

Kết quả cho thấy các nhân tố chủ yếu thay đổi tùy từng xã, nhưng các nhân tố phổ biến nhất là:

1. Vốn lưu động.
2. Hiệu quả sản xuất (thu nhập/vốn).
3. Khả năng lao động.

Chúng tôi đã thử phân loại gia đình nông dân ra làm các nhóm khác nhau theo mức thu nhập, theo kiểu kinh doanh, và thấy các hộ giàu thường phát triển toàn diện: thâm canh lúa, trồng màu, chăn nuôi và phát triển ngành nghề. Nhưng phương pháp phân loại này không giúp giải quyết được gì cụ thể trong việc giúp các hộ nông dân phát triển.

Đã từ lâu chúng tôi nghiên cứu hệ thống giống lúa, hệ thống cây trồng thích hợp với các điều kiện sinh thái khác nhau, hệ thống chăn nuôi, hệ thống chế biến - ngành nghề. Hiện nay đã có các kỹ thuật thích ứng có thể giúp nông dân phát triển kinh tế gia đình. Nhưng việc chuyển giao các kỹ thuật này cho nông dân thực hiện được rất chậm.

Nguyên nhân chủ yếu là do chúng ta chưa hiểu cách hoạt động của các kiểu hộ nông dân khác nhau, các điều kiện sản xuất của họ, mục tiêu của họ và cách lựa chọn kiểu kinh doanh cũng như các khó khăn của họ trong quá trình phát triển. Muốn tìm hiểu các vấn đề này phải tiến hành điều tra gia đình nông dân theo *cách làm ăn*.

Gần đây chúng tôi đã tiến hành thử một đợt điều tra gia đình nông dân theo cách làm ăn ở một xã của Hải Hưng, phương pháp điều tra có thể tóm tắt như sau:

1. Phân loại đồng đất của xã ra các cánh đồng có điều kiện sinh thái tương đối đồng đều.
2. Căn cứ vào các kiểu canh tác khác nhau của nông dân trên một cánh đồng để chọn hộ điều tra. Ngoài ra còn phải chú ý các kiểu chăn nuôi và làm ngành nghề khác nhau.
3. Điều tra các gia đình đã chọn theo cách làm ăn, cố gắng làm sáng tỏ xem các gia đình làm ăn thế nào, gặp khó khăn gì trong phát triển sản xuất, kết quả sản xuất như thế nào.
4. Phân loại gia đình theo cách làm ăn, xác định các khó khăn của từng kiểu và tìm các biện pháp kỹ thuật và kinh tế - xã hội để giải quyết cho từng kiểu phát triển sản xuất.

Kết quả điều tra rất phong phú và phải làm trên nhiều kiểu xã khác nhau mới tổng kết được. Tuy vậy, từ các kết quả bước đầu thu được, có thể đề nghị một kiểu phân loại gia đình nông dân như sau. Đây là kiểu phân loại tổng quát có thể có ở tất cả các loại xã thuộc nhiều vùng khác nhau.

Sơ đồ phân loại này dùng hai chỉ tiêu chính:

1. Vốn lưu động, lấy mức cân bằng thu chi làm mốc, nếu thu nhiều hơn chi thì coi là có vốn, thu ít hơn chi thì coi là thiếu vốn.
2. Diện tích canh tác bình quân trên khẩu, nếu trên mức trung bình thì coi như nhiều đất và dưới mức trung bình thì thiếu đất.

Như vậy là chúng ta sẽ có bốn kiểu hộ. Căn cứ vào số liệu điều tra ở một số xã của đồng bằng sông Hồng, chúng tôi đã ước lượng tỷ lệ của các kiểu và xác định cách làm ăn cùng hướng phát triển của chúng (Bảng 3).

Trong mỗi kiểu có thể tùy các điều kiện khác như tỷ lệ đất màu, số lao động, quan hệ với thị trường, cơ sở vật chất khác (vườn, ao, công cụ...) mà có thể chia ra các nhóm nhỏ với các hướng kinh doanh khác nhau.

Kết quả trên cho thấy hiện nay ở đồng bằng sông Hồng chỉ có khoảng 33% số hộ sản xuất hàng hóa về trồng trọt, các hộ này có thể phát triển thành nông trại sản xuất hàng hóa. Có 25% số hộ sản xuất hàng hóa về chăn nuôi hay ngành nghề, đây là lực lượng nòng cốt của việc phát triển công nghiệp nông thôn, 10% số hộ đang làm trồng trọt theo kiểu quảng canh vì thiếu vốn, nếu được giúp đỡ về vốn và cách làm ăn cũng có thể trở thành nông trại. 33% số hộ hiện nay đang gặp khó khăn. Nhóm này cần phải được nghiên cứu sâu hơn vì nguyên nhân khó khăn có thể khác nhau: mới lập nghiệp, không biết làm ăn, neo đơn, lười, hộ chính sách... để giúp họ giải quyết. Nhóm này có thể chuyển lên các nhóm trên hay rời bỏ nông nghiệp.

HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ NÔNG DÂN

Mục tiêu của sự phát triển nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hóa là phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa có khả năng cung cấp thức ăn và nguyên liệu cho nông nghiệp, chuyển bớt lao động cho công nghiệp, chuyển thặng dư nông nghiệp sang công nghiệp và tăng kim ngạch xuất khẩu để nhập vật tư kỹ thuật cho bản thân nông nghiệp và công nghiệp hóa. Vấn đề nông nghiệp có khả năng chuyển thặng dư nông nghiệp cho công nghiệp không còn là một vấn đề đang tranh luận, vì bản thân nông nghiệp muốn phát triển được cũng cần có vốn và vật tư nhập khẩu. Nhưng chỉ riêng việc nông nghiệp cung cấp được thức ăn cho khu vực phi nông nghiệp ngày càng tăng đã là một cống hiến lớn cho công nghiệp hóa.

Gần đây, vai trò của nông nghiệp trong sự tăng trưởng kinh tế nhanh vào thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hoá đã được các nghiên cứu nước ngoài và của Viện chúng tôi lúc nghiên cứu sự phát triển kinh tế châu A 30 năm qua khẳng định.

Nông nghiệp muốn có thặng dư cao phải có năng suất lao động cao hơn và chỉ thực hiện được khi rút được lao động ra khỏi nông nghiệp. Kinh nghiệm của các nước đã phát triển cho thấy các nông trại gia đình hoàn toàn có thể làm được việc này nếu có một quy mô lớn hơn (mô hình Tây Âu) hay nếu có một tỷ lệ thu nhập phi nông nghiệp lớn hơn (mô hình Đông A).

Bảng 3: CÁC KIỂU GIA ĐÌNH NÔNG DÂN

Kiểu	Tỷ lệ ước (%)	Vốn	Đất canh tác	Kiểu kinh doanh	Khó khăn	Hướng phát triển
I	20-50 (≈33)	Có	Nhiều	Thâm canh lúa hàng hóa Phát triển màu hàng hóa Phát triển chăn nuôi Tham gia ngành nghề nếu có lao động	Thiếu cách thâm canh Thiếu vốn để thâm canh Thiếu tiếp xúc thị trường	Phát triển thành nông trại sản xuất hàng hóa chuyên canh
II	15-40 (≈25)	Có	Ít	Thâm canh lúa để ăn Phát triển rau hàng hóa Phát triển chăn nuôi hàng hóa Phát triển ngành nghề nhiều vốn Phát triển vườn, ao	Thiếu cách kinh doanh Thiếu vốn để kinh doanh Thiếu kỹ thuật thích ứng Thiếu tiếp xúc thị trường	Phát triển thành nông là chuyên chăn nuôi hay có tham gia nghề phi nông nghiệp Phát triển thành tiểu chủ công nghiệp nông thôn
III	0-30 (10)	Ít	Nhiều	Quảng canh lúa để ăn Trồng màu để bổ sung cho lúa Chăn nuôi để lặn dụng màu	Thiếu vốn để thâm canh Thiếu kỹ thuật canh tác Thiếu cách làm ăn để lên sản xuất hàng hóa	Nếu có vốn và cách làm ăn có thể chuyển lên kiểu I
IV	10-45 (≈33)	Ít	Ít	Trồng lúa để ăn Trồng màu để bổ sung chăn nuôi theo kiểu ít vốn Tham gia ngành nghề ít vốn, làm thuê, buôn nhỏ	Thiếu vốn để phát triển chăn nuôi, ngành nghề Thiếu cách làm ăn Thiếu kỹ thuật thích ứng	Nếu có vốn và cách làm ăn sẽ chuyển thành kiểu II Di dân đi vùng kinh tế mới hay ra thành thị làm thuê cho tiểu chủ hay nông trại

Việc phát triển sản xuất của nông trại gia đình từ tình trạng tự cấp lên sản xuất hàng hóa là một vấn đề cần được nghiên cứu và là một quá trình phức tạp và khó khăn mà các nước tiên tiến đã phải trả giá qua những thất bại để tìm một cách giải quyết đúng. Thực tế cho thấy, trong quá trình này, nông trại gia đình giải quyết vốn s tốt hơn các xí nghiệp lớn có lao động thuê. vì nông nghiệp không chịu đựng được lao động thuê.

Theo tổng kết của việc phát triển nông trại gia đình, có hai điều kiện không thể thiếu, đó là:

1 Sự hỗ trợ của Nhà nước

2. Sự tổ chức tại của nông dân để tiếp xúc với thị trường.

Về sự hỗ trợ của Nhà nước, kinh nghiệm ở các nước tiên tiến cho thấy nền kinh tế càng phát triển thì các nông trại gia đình càng phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Nhà nước, vì nếu không có sự chuyển một phần thu nhập từ các ngành khác có năng suất lao động cao sang nông nghiệp là ngành có năng suất lao động thấp thì nông trại gia đình không tồn tại được. Vì vậy ở đây việc chuyển thặng dư của nông nghiệp sang công nghiệp hay chuyển thặng dư của công nghiệp sang để giữ cho nông trại gia đình khỏi bị Phá sản là một vấn đề tranh luận trong lý thuyết phát triển.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do trong nông nghiệp có quy luật "năng suất giảm dần", nghĩa là càng thâm canh, càng dùng nhiều đầu vào công nghiệp (thương mại) thì hiệu suất của đồng vốn càng giảm đi. Do đó) đến một mức nào đấy, nông nghiệp sẽ không còn lãi nữa. Vì vậy, ở tất cả các nước đã phát triển và ở một số nước đang phát triển, Nhà nước phải "bao cấp" cho nông nghiệp thông qua việc trợ giá vật tư, trợ giá nông sản và bù lỗ tín dụng lãi suất thấp cho nông dân.

Vấn đề được đặt ra với nước ta hiện nay là, nếu Nhà nước chưa có khả năng trợ giá cho nông nghiệp vì thu nhập của các ngành phi nông nghiệp còn thấp thì bản thân nông nghiệp có khả năng tự trang trải lấy vốn không ? Trong điều kiện này, nếu Nhà nước lại muốn chuyển thặng dư nông nghiệp vào ngân sách (bằng cách thu thuế cao) thì nông nghiệp lại càng khó khăn hơn.

Do đấy, trong thời kỳ đầu của quá trình công nghiệp hóa, lúc Nhà nước chưa có khả năng hỗ trợ nông nghiệp thì chính sách khôn ngoan là thu của nông nghiệp ít để cho nó có khả năng tự đầu tư

Một đóng góp lớn cho nền kinh tế trong thời kỳ đầu là việc xuất nông sản. Đây là một nguồn ngoại tệ quan trọng cần cho sự giữ cân bằng cán cân thanh toán. Muốn xuất khẩu được phải có lợi thế so sánh, nghĩa là phải có một giá thành nông sản (và sản phẩm của công nghiệp chế biến) thấp hơn giá thành thế giới. Tuy vậy, để phát triển nông nghiệp và công nghiệp chế biến, phần lớn vật tư kỹ thuật, thiết bị đã phải nhập từ nước ngoài theo giá quốc tế. Vậy sản xuất một mặt hàng từ nguyên liệu và thiết bị nhập mà lại phải rẻ hơn giá quốc tế quả là một việc khó khăn. Vì vậy, để đảm bảo cho giá nông sản và giá lao động (tiền lương) thấp, phần nhiều các Nhà nước phải có các cơ chế khác nhau để trợ giá đầu vào và đầu ra để giữ cho giá nội địa và tiền lương thấp. Đây là vấn đề mà chúng ta chưa thấy rõ trong đợt điều chỉnh giá vật tư vừa qua.

Tất cả các nước trên thế giới đều cố gắng giữ cho giá nông sản thấp để bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng. Nhưng việc này sẽ làm thiệt cho người sản xuất, nông dân không phấn khởi sản xuất. Muốn vậy, Nhà nước phải bù giá đầu vào hoặc giá đầu ra. Đây là một gánh nặng cần thiết cho ngân sách. Mặt khác, phải thu thuế nông nghiệp thấp để giữ giá thành của nông sản thấp. Vấn đề khuyến khích người sản xuất, nâng đỡ người tiêu dùng và giữ cho ngân sách khỏi bội chi là một bài toán nan giải cho tất cả các Nhà nước. Bài toán này chỉ giải quyết được nếu hạ được giá thành nông sản. Có hai biện pháp để hạ giá thành nông sản:

1 . Tạo ra và phổ biến các tiến bộ kỹ thuật nâng cao năng suất nông sản và năng suất lao động. Muốn vậy, phải đầu tư vào nghiên cứu và triển khai.

2. Giảm chi phí các khâu trước và sau sản xuất, nghĩa là chi phí lưu thông.

Khâu trước và sau sản xuất thường do tư nhân hoặc các công ty quốc doanh làm. Đây cũng là một nguồn thu cho ngân sách. Muốn tăng lãi cho nông dân thì hoặc Nhà nước phải phân phối lại lãi giữa các khâu (có thể qua thuế), hoặc để cho nông dân tự lo lấy khâu lưu thông qua các hiệp hội nghề nghiệp hay hợp tác xã chế biến và cung tiêu. ở các nước thị trường tự do, tự nông dân đứng ra đảm nhiệm lấy các khâu này để chiếm lấy độc

quyền từ tay tư thương và các công ty công nông nghiệp. Ở các nước mà Nhà nước nắm các khâu này thì các công ty Nhà nước phải liên kết với nông dân trong các hiệp hội để phân phối lại lãi cho hợp lý.

Ở nước ta hiện nay, Nhà nước hoặc tư thương chủ yếu nắm lay các khâu trước và sau sản xuất nông nghiệp là các khâu lãi cao, để cho nông dân khâu sản xuất nông nghiệp là khâu ít lãi nhất nhưng lại nặng nhọc nhất. Đây là một tình trạng không công bằng. Điều tra của chúng tôi cho thấy, một người trong khâu mua lợn, giết mổ và buôn thịt lãi 75 lần hơn người sản xuất lợn. Đối với các nông sản khác, tình trạng cũng tương tự.

Kinh nghiệm hợp tác hóa của các nước tiên tiến cho thấy hợp tác hóa theo chiều dọc, theo loại nông sản có tác dụng thúc đẩy sản xuất và phát triển kinh tế hàng hóa. Đây là hình thức hợp tác có hiệu quả nhất và là một khâu rất quan trọng của việc tổ chức lại nền kinh tế nông dân để có thể giúp giải quyết các mâu thuẫn nói trên.

Vì vậy một nội dung thứ hai của việc phát triển nền kinh tế nông dân là trả lại cho nông dân việc lưu thông đầu ra và đầu vào và giúp họ quản lý các khâu này thông qua các hợp tác xã kiểu hiệp hội.

Những vấn đề nêu trên cần được nghiên cứu và làm thử để mở rộng thì mới phát triển được nền kinh tế hàng hóa của nông dân.